

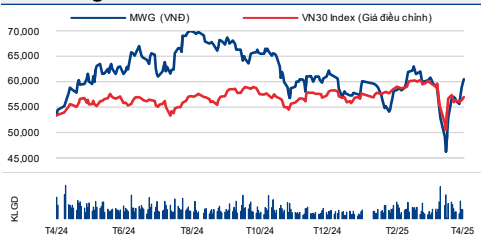
Mua vào

Giá mục tiêu: VND73,000
Tiềm năng tăng/giảm: 20.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (25/4/2025)	60,500
Mã Bloomberg	MWG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	46,250-70,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	58,380
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	88,420
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	3,398
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,461
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	716
Slg CP NN được mua (tr.đv)	63.3
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	44.7%
Tỷ lệ freefloat	60.6%
Cổ đông lớn	in Đầu tư Thế Giới Ba (10.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	134,341	145,824	159,070
EBITDA đc (tỷ đồng)	6,997	7,538	7,961
LN TT (tỷ đồng)	4,826	6,443	7,745
LNT ĐC (tỷ đồng)	3,722	5,008	6,050
FCF (tỷ đồng)	8,214	4,373	4,550
EPS ĐC (đồng)	2,546	3,388	4,028
DPS (đồng)	500	500	1,000
BVPS (đồng)	18,993	21,752	24,602
T.trưởng EBITDA (%)	84.7	7.74	5.60
T.trưởng EPS ĐC (%)	2,121	33.1	18.9
Tăng trưởng DPS (%)	nm	0	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.21	5.17	5.00
Tỷ suất LN TT (%)	3.59	4.42	4.87
Tỷ suất LNT ĐC (%)	2.77	3.43	3.80
Tỷ lệ LN trả CT (%)	19.6	14.8	24.8
Nợ thuần/VCSH (%)	78.2	64.4	51.7
ROAE (%)	14.6	16.7	17.5
ROACE (%)	14.2	16.9	17.0
EV/doanh thu (lần)	0.82	0.76	0.69
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.7	14.6	13.8
P/E ĐC (lần)	23.8	17.9	15.0
P/B (lần)	3.19	2.78	2.46
Lợi suất cổ tức (%)	0.83	0.83	1.65

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MWG là nhà bán lẻ điện thoại di động, điện máy và bách hóa hàng đầu ở Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ
Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q1/2025: KQKD tích cực và vượt dự báo

- MWG ghi nhận KQKD tích cực trong Q1/2025. Doanh thu thuần tăng 15% so với cùng kỳ và 5% so với quý trước đạt 36.135 tỷ đồng trong khi lợi nhuận thuần tăng mạnh 71% so với cùng kỳ và 83% so với quý trước đạt 1.546 tỷ đồng. Các kết quả này cao hơn lần lượt 1% và 32% so với dự báo của HSC.
- Chuỗi TGDD & ĐMX ghi nhận doanh thu tăng trưởng mạnh mẽ và tỷ suất lợi nhuận khả quan, được hỗ trợ nhờ việc giành thêm thị phần và nâng cao hiệu quả HĐKD. Chuỗi BHX đã mở mới 232 cửa hàng và doanh thu trên mỗi cửa hàng tại các cửa hàng cũ vẫn duy trì ổn định. BLĐ tin rằng chuỗi BHX sẽ ghi nhận ít nhất 500 tỷ đồng lợi nhuận thuần trong năm 2025.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào trong khi chờ xem xét lại. MWG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 17 lần, thấp hơn 0,7 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 2/2022 ở mức 20,9 lần.

Sự kiện: KQKD Q1/2025 và ĐHCĐ

MWG đã công bố KQKD Q1/2025 rất tích cực và vượt mạnh dự báo của HSC. Doanh thu thuần tăng 15% so với cùng kỳ và 5% so với quý trước đạt 36.135 tỷ đồng trong khi lợi nhuận thuần tăng mạnh 71% so với cùng kỳ và 83% so với quý trước đạt 1.546 tỷ đồng. Các kết quả này lần lượt vượt 1% và 32% so với dự báo của HSC ở mức 35.926 tỷ đồng và 1.172 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần chủ yếu được đẩy mạnh nhờ lợi nhuận tại chuỗi TGDD & ĐMX cải thiện đáng kể, BHX chuyển từ lỗ sang có lãi và lợi nhuận tài chính cải thiện.

Kết quả doanh thu thuần và lợi nhuận thuần Q1/2025 này đạt lần lượt 25% và 31% dự báo cho cả năm của chúng tôi ở mức 145.824 tỷ đồng và 5.008 tỷ đồng.

Chuỗi TGDD & ĐMX: Doanh thu và tỷ suất lợi nhuận mạnh mẽ; vượt dự báo

Doanh thu thuần của chuỗi TGDD & ĐMX đạt 24.230 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ và 6% so với quý trước, được hỗ trợ nhờ KQKD tích cực của cả hai mảng sản phẩm CNTT và điện máy. Đặc biệt, mảng sản phẩm CNTT ghi nhận mức tăng trưởng 20%, vượt xa mức tăng trưởng một chữ số của toàn ngành. Công thức thành công của chuỗi TGDD & ĐMX bao gồm (1) hợp tác trên tinh thần Familyship (như người một nhà) với các nhà cung cấp, cho phép TGDD & ĐMX cung cấp danh mục sản phẩm phong phú nhất và sản phẩm độc quyền mới (như máy lọc nước, v.v.), (3) dịch vụ hậu mãi vượt trội, và (4) chương trình bán hàng trả góp không trả trước.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 28/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD hợp nhất Q1/2025, MWG

(Tỷ đồng)	Q1/24	Q1/25	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	Q1/25F	Thực tế/ Dự báo	2025F	% dự báo
Doanh thu thuần	31,486	36,135	15%	5%	35,926	101%	145,824	25%
Lợi nhuận gộp	6,713	7,2	7%	9%			29,667	24%
Chi phí BH&QL	-5,59	-5,618	0%	-7%			-24,524	23%
Lợi nhuận HĐ tài chính	210	354	69%	-21%			1,412	25%
LNST	903	1,548	71%	82%	1,172	132%	5,036	31%
Lợi nhuận thuần	902	1,546	71%	83%	1,172	132%	5,008	31%

Nguồn: MWG, HSC ước tính

Dù chưa công bố chi tiết, HSC ước tính lợi nhuận thuần Q1/2025 của chuỗi TGDD & ĐMX tăng 20% so với cùng kỳ và 101% so với quý trước, đạt khoảng 1.490 tỷ đồng. Nếu không tính đến lợi nhuận tài chính, chúng tôi ước tính EBIT của chuỗi TGDD & ĐMX tăng 16% so với cùng kỳ, đạt 1.578 tỷ đồng và tỷ suất EBIT cải thiện lên mức 6,5% so với mức 3,3% của Q1/2024, nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện và chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu giảm, nhờ đóng cửa các cửa hàng hoạt động kém hiệu quả.

Tại ĐHCĐ, BLĐ tỏ ra lạc quan về triển vọng ngắn hạn của chuỗi TGDD & ĐMX, kỳ vọng doanh thu máy lạnh sẽ tăng mạnh trong vài tháng tới. BLĐ tin rằng chuỗi TGDD & ĐMX có thể mở rộng thị phần lên 70-80% vào năm 2030 (so với mức 50-60% hiện tại) bằng cách thúc đẩy doanh thu trên mỗi cửa hàng thay vì mở rộng thêm nhiều điểm bán mới.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần, MWG

(Tỷ đồng)	Q1/24	Q1/25	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	Q1/25F	Thực tế/ Dự báo	2025F	% dự báo
Doanh thu thuần	31,486	36,135	15%	5%	35,926	101%	145,824	25%
TGDD/ĐMX	21,348	24,23	14%	6%	24,139	100%	94,472	26%
BHX	9,163	11,077	21%	3%	10,978	101%	48	23%
An Khang & AVA	976	828	-15%	-11%	810	102%	3,352	25%

Nguồn: MWG, HSC ước tính

Chuỗi BHX: Các cửa hàng cũ duy trì doanh thu ổn định; khai trương thêm 232 cửa hàng mới

Trong Q1/2025, doanh thu thuần của BHX đạt 11.077 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ và 3% so với quý trước. Mức tăng trưởng so với quý trước chủ yếu nhờ số lượng cửa hàng tăng thêm (tăng 8% so với quý trước với 232 cửa hàng mới khai trương trong kỳ). Trong khi đó, doanh thu bình quân mỗi cửa hàng mỗi tháng giảm 5% so với quý trước xuống 2 tỷ đồng, do các cửa hàng mới có doanh thu thấp hơn (1,2–1,5 tỷ đồng) và số ngày hoạt động ít hơn do kỳ nghỉ Tết.

Mặc dù các cửa hàng mới có doanh thu thấp hơn nhưng dự kiến sẽ đạt điểm hòa vốn trong vòng 3–6 tháng nhờ chi phí hoạt động thấp hơn khoảng 30% so với các cửa hàng cũ. Trong khi đó, các cửa hàng cũ (khai trương từ tháng 9/2024 trở về trước) duy trì doanh thu ổn định quanh mức 2,1 tỷ đồng/cửa hàng, tương đương các quý trước.

Lợi nhuận thuần của BHX trong Q1/2025 chưa được công bố nhưng chúng tôi ước tính đạt khoảng 80 tỷ đồng (so với khoản lỗ 105 tỷ đồng trong Q1/2024 và lợi nhuận thuần 94 tỷ đồng trong Q4/2024). Nhìn chung, các kết quả này của BHX sát với dự báo của HSC.

BLĐ tiếp tục tin tưởng rằng BHX sẽ ghi nhận ít nhất 500 tỷ đồng lợi nhuận thuần trong năm 2025 (so với dự báo của chúng tôi là 548 tỷ đồng, tăng trưởng 420%).

Lợi nhuận tài chính đóng góp 18% LNTT

Lợi nhuận tài chính tăng 69% so với cùng kỳ (nhưng giảm 21% so với quý trước) đạt 354 tỷ đồng nhờ thu nhập lãi (từ tiền gửi ngân hàng, cho vay và đầu tư trái phiếu) tăng 29%. Lợi nhuận tài chính đóng góp 18% vào LNTT của MWG trong Q1/2025, so với mức 17% trong Q1/2024.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo trong khi chờ xem xét lại

Do KQKD Q1/2025 vượt dự báo của HSC, chúng tôi đang xem xét lại các dự báo của mình. Được hỗ trợ từ chuyển biến lợi nhuận vững chắc của các chuỗi TGDD/ĐMX, mức lợi nhuận cao hơn của BHX và doanh thu HĐ tài chính tích cực, lợi nhuận thuần của MWG được dự báo sẽ tiếp tục tăng mạnh trong 2

năm tới. Bất kỳ đợt điều chỉnh nào cũng mang lại cơ hội tích lũy cổ phiếu. Duy trì khuyến nghị Mua vào.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	118,280	134,341	145,824	159,070	174,433
Lợi nhuận gộp	22,521	27,499	29,667	32,602	36,061
Chi phí BH&QL	(22,114)	(23,416)	(24,524)	(26,644)	(29,294)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	407	4,084	5,143	5,958	6,766
Lãi vay thuần	611	1,188	1,412	1,718	1,999
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	(44.6)	18.6	69.1	142
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(328)	(401)	(131)	0	0
LNTT	690	4,826	6,443	7,745	8,907
Chi phí thuế TNDN	(522)	(1,092)	(1,407)	(1,651)	(1,872)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.16)	(11.4)	(27.5)	(44.1)	(57.4)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	168	3,722	5,008	6,050	6,977
Lợi nhuận thuần ĐC	168	3,722	5,008	6,050	6,977
EBITDA ĐC	3,788	6,997	7,538	7,961	8,440
EPS (đồng)	115	2,546	3,388	4,028	4,577
EPS ĐC (đồng)	115	2,546	3,388	4,028	4,577
DPS (đồng)	0	500	500	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,463	1,462	1,478	1,502	1,524
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,462	1,461	1,481	1,504	1,526
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,462	1,461	1,481	1,504	1,526

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	5,366	5,697	6,641	8,291	10,522
Đầu tư ngắn hạn	18,937	28,524	32,524	36,524	40,524
Phải thu khách hàng	5,159	8,764	10,023	10,286	11,590
Hàng tồn kho	21,824	22,245	23,248	24,507	25,955
Các tài sản ngắn hạn khác	661	544	573	620	674
Tổng tài sản ngắn hạn	51,947	65,774	73,010	80,229	89,264
TSCĐ hữu hình	6,431	3,523	1,943	1,046	507
TSCĐ vô hình	68.8	63.5	63.9	64.2	64.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	460	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	287	242	242	242	242
Tài sản dài hạn khác	914	616	609	629	652
Tổng tài sản dài hạn	8,161	4,445	2,858	1,981	1,466
Tổng cộng tài sản	60,108	70,219	75,868	82,210	90,730
Nợ ngắn hạn	19,129	27,300	27,300	27,300	28,300
Phải trả người bán	7,927	9,138	9,853	10,798	11,901
Nợ ngắn hạn khác	3,199	5,034	5,424	5,944	6,551
Tổng nợ ngắn hạn	30,762	42,097	43,251	44,780	47,566
Nợ dài hạn	5,985	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1.17	0	1.17	1.17	1.17
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	5,986	0	1.17	1.17	1.17
Tổng nợ phải trả	36,748	42,097	43,252	44,781	47,567
Vốn chủ sở hữu	23,346	27,758	32,225	36,993	42,670
Lợi ích cổ đông thiểu số	13.4	364	391	436	493
Tổng vốn chủ sở hữu	23,360	28,122	32,616	37,429	43,163
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,108	70,219	75,868	82,210	90,730
BVPS (đ)	15,964	18,993	21,752	24,602	27,958
Nợ thuần*/(tiền mặt)	19,748	21,603	20,659	19,010	17,779

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	407	4,084	5,143	5,958	6,766
Khấu hao	(3,381)	(2,913)	(2,395)	(2,003)	(1,674)
Lãi vay thuần	611	1,188	1,412	1,718	1,999
Thuế TNDN đã nộp	(862)	(959)	(1,449)	(1,706)	(1,937)
Thay đổi vốn lưu động	1,836	3,224	(138)	(40.9)	(18.4)
Khác	(1,937)	(1,932)	(2,016)	(2,276)	(2,465)
LCT thuần từ HKKD	3,436	8,517	5,348	5,655	6,019
Đầu tư TS dài hạn	(523)	(304)	(974)	(1,105)	(1,135)
Góp vốn & đầu tư	(34,257)	(46,828)	(5,000)	(4,000)	(5,000)
Thanh lý	22,836	33,813	0	0	0
Khác	1,113	2,376	2,112	2,380	2,648
LCT thuần từ HĐĐT	(10,831)	(10,943)	(3,862)	(2,725)	(3,487)
Cổ tức trả cho CSH	(731)	(731)	(741)	(1,504)	(1,526)
Thu từ phát hành CP	(9.34)	1,762	199	222	226
Tăng/giảm nợ	8,440	1,726	0	0	1,000
Khác	-	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	7,700	2,757	(541)	(1,281)	(301)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,061	5,366	5,697	6,641	8,291
LCT thuần trong kỳ	304	332	944	1,649	2,231
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.37	0.10	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	5,366	5,697	6,641	8,291	10,522
Dòng tiền tự do	2,913	8,214	4,373	4,550	4,884

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	19.0	20.5	20.3	20.5	20.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.20	5.21	5.17	5.00	4.84
Tỷ suất LNT (%)	0.14	2.77	3.43	3.80	4.00
Thuế TNDN hiện hành (%)	75.7	22.6	21.8	21.3	21.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(11.3)	13.6	8.55	9.08	9.66
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(63.0)	84.7	7.74	5.60	6.02
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(95.9)	2,120	34.6	20.8	15.3
Tăng trưởng EPS (%)	(95.9)	2,121	33.1	18.9	13.6
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(95.9)	2,121	33.1	18.9	13.6
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	0	100	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	19.6	14.8	24.8	21.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	0.71	14.6	16.7	17.5	17.5
ROACE (%)	1.38	14.2	16.9	17.0	16.8
Vòng quay tài sản (lần)	2.04	2.06	2.00	2.01	2.02
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	8.44	2.09	1.04	0.95	0.89
Số ngày tồn kho	83.2	76.0	73.1	70.7	68.5
Số ngày phải thu	19.7	29.9	31.5	29.7	30.6
Số ngày phải trả	30.2	31.2	31.0	31.2	31.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	85.0	78.2	64.4	51.7	41.9
Nợ/tài sản (%)	41.9	39.0	36.1	33.3	31.3
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	6.65	3.91	3.63	3.44	3.37
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.69	1.56	1.69	1.79	1.88
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.91	0.82	0.76	0.69	0.63
EV/EBITDA ĐC (lần)	28.6	15.7	14.6	13.8	13.0
P/E (lần)	528	23.8	17.9	15.0	13.2
P/E ĐC (lần)	528	23.8	17.9	15.0	13.2
P/B (lần)	3.79	3.19	2.78	2.46	2.16
Lợi suất cổ tức (%)	0	0.83	0.83	1.65	1.65

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn